

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 5-2020.

“ V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Đoàn Thị Thúy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Văn Ngạn.

2. Bà Lê Thị Thao.

***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:***  
bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD.

- *Bị đơn:* chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1992.

ĐKKH: thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD;

Nơi cư trú: thôn QD, xã TT, huyện CG, tỉnh HD.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1949; địa chỉ: thôn VT, xã CV, huyện CG, tỉnh HD.

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu MX, phường HĐ, thị xã ĐT, QN.

(*Tại phiên tòa có mặt anh T, chị H; vắng mặt bà N, bà H1*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-02-2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày: anh và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã CV, huyện CG,*

tỉnh HD vào ngày 15-6-2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên do bất đồng trong cuộc sống, chị H không rõ ràng về tài chính, có một số quan hệ mờ ám dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Vì thương các con nhỏ nên anh đã tìm nhiều biện pháp để tháo gỡ nhưng không có kết quả; vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay, không liên lạc với nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị H.

Anh và chị H có 02 con chung là Hoàng Kim P, sinh ngày 11-01-2013 và Hoàng Ngọc B, sinh ngày 13-02-2016. Hiện nay chị H đưa 2 con về bà ngoại tại ĐT sống, không đảm bảo. Anh đề nghị được nuôi con, con nào cũng được. Anh làm công nhân công ty ViFon, mức thu nhập hàng tháng từ 7.000.000đồng đến 9.000.000đồng/tháng; có nhà ở tại thôn VT, xã CV, huyện CG.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

*Tại bản tự khai ngày 19-02-2020, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H thừa nhận:* về điều kiện và thời gian kết như anh T trình bày là đúng. Sau khi cưới anh chị có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T luôn nghi ngờ, không tin tưởng vào tình cảm chị dành cho anh; anh không có trách nhiệm với mẹ con chị. Sống chung với anh, chị không có hạnh phúc nên từ tháng 8-2019 vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T xin ly hôn, chị nhất trí.

Chị xác định vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Hai con đang ở cùng bà ngoại tại ĐT, tỉnh QN. Chị xin tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi. Chị làm công nhân tại Công ty ViFon, mức thu nhập khoảng 10.000.000đồng/tháng và hiện nay đang thuê phòng trọ tại thôn QD, xã TT, huyện CG.

Chị cũng đồng ý không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

*Tại lời khai ngày 05-3-2020, bà Nguyễn Thị N (là mẹ đẻ anh T) trình bày:* sau khi cưới anh T chị H sống cùng bà. Thời gian sống chung vợ chồng anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tự giải quyết được với nhau nên vợ chồng sống ly thân. Bà đề nghị Tòa án quan tâm đến nguyện vọng của anh T mong muốn được nuôi dưỡng 01 con sau khi ly hôn.

*Tại lời khai ngày 24-4-2020, cháu Hoàng Kim P (là con đẻ của anh T chị H) thể hiện:* có nguyện vọng được ở với mẹ.

*Tại biên bản xác minh ngày 20-4-2020, UBND xã Cẩm Văn cung cấp:* anh T, chị H đăng ký kết hôn vào ngày 15-6-2012; theo thông tin từ gia đình và hàng xóm thì cuộc sống chung của vợ chồng anh T có nhiều mâu thuẫn, hiện

nay vợ chồng anh T đã ly thân. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh T và chị H giữ nguyên quan điểm như các lời khai trên.

*Tại phiên tòa:*

Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và xin nuôi một con chung; anh không yên tâm để chị H nuôi cả 2 con.

Chị H nhất trí ly hôn và xin nuôi hai con chung. Chị trình bày: năm 2017 mẹ chị bị tai nạn nhưng đến nay sức khỏe cũng đã ổn định; hiện nay tại ĐT mẹ chị vẫn đi làm ở Công ty gạch và chăm sóc 01 mẹ già hơn 90 tuổi cùng 2 con của chị H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị H.

+ Về quan hệ con chung: giao con chung Hoàng Kim P, sinh ngày 11-01-2013 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên; giao con chung Hoàng Ngọc B, sinh ngày 13-02-2016 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh T, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền thăm gặp, chăm sóc con chung.

+ Về án phí: anh T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn T yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung, xác định đây là những tranh chấp về hôn nhân và gia đình

quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị H là bị đơn hiện đang sinh sống và cư trú tại thôn QD, xã TT, huyện CG, tỉnh HD; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

**[2] Về nội dung vụ án:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 15-6-2012, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh T chị H chỉ hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, nghi ngờ về sự chung thủy và kinh tế không rõ ràng dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh T, chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau, thống nhất ly hôn. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại; việc anh T, chị H thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Anh T yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về quan hệ con chung:* anh T, chị H có hai con chung là Hoàng Kim P, sinh ngày 11-01-2013 và Hoàng Ngọc B, sinh ngày 13-02-2016. Xét đề nghị về việc nuôi con của anh T, chị H, HĐXX thấy rằng: hiện nay anh T có chỗ ở ổn định và nguồn thu nhập từ 07 đến 9.000.000đ/tháng, Công ty anh T làm việc cách nhà không xa thuận tiện cho việc đi lại chăm sóc con. Bà N là mẹ đẻ anh T ở nhà có điều kiện hỗ trợ chăm sóc cháu giúp anh T. Trong khi chị H hiện nay làm công nhân tại khu công nghiệp đóng trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, có nguồn thu nhập từ 09 đến 10.000.000đ/tháng nhưng chị phải thuê phòng trọ, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn mà phải gửi con về nhờ mẹ đẻ tại huyện ĐT, tỉnh QN chăm sóc hộ. Tại phiên tòa chị H xác nhận bà H1 (mẹ đẻ chị) vẫn đang đi làm tại Công ty gạch, hàng ngày phải chăm sóc mẹ già hơn 90 tuổi. Bản thân chị cũng thừa nhận với mức lương như của chị hiện nay vừa thuê nhà và gửi tiền về cho mẹ nuôi hộ 2 con là cũng khó khăn nhưng vì không muốn tách các con xa nhau nên chị xin nuôi cả 2; việc xin nuôi cả 2 con trong điều kiện như hiện nay của chị H là chưa phù hợp. Để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của các con; căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cho anh T, chị H mỗi người có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng một con chung; đó cũng là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Anh T, chị H mỗi người nuôi một con chung, do vậy không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: anh Hoàng Văn T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

**Về quan hệ hôn nhân**: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị H.

**Về quan hệ con chung**: sau ly hôn, giao con chung Hoàng Kim P, sinh ngày 11-01-2013 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên hoặc khi anh Th chị H có yêu cầu khác; giao con chung Hoàng Ngọc B, sinh ngày 12-3-2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi thành niên hoặc khi chị H anh T có yêu cầu khác;

Anh T, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của nhau.

**Về tài sản chung, nợ chung, công sức**: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về án phí**: anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0010176 ngày 18-02-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

**Về quyền kháng cáo**: anh T, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)